PHỤ LỤC CHI TIẾT TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ VÀ PHÂN BỔ TIỀN THI HÀNH ÁN

Kèm theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 451/2026/HS-ST ngày 20/8/2026 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC SỐ 01
NHÓM MẠC PHÚC HẢI

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Số tiền bị hại còn yêu cầu bồi thường	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Số tiền còn phải khắc phục tiếp
1	Trương Nho Minh	1962	298 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	10.210.000.000	0	0	0
2	Lê Thị Thanh Thủy	1971	1/40/358 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	13.200.000.000	4.605.268.412	4.605.268.412	0
TỔNG CỘNG				**23.410.000.000**		**4.605.268.412**	**0**

PHỤ LỤC SỐ 02
NHÓM LÊ HỒNG GIANG

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
1	Nguyễn Đình Thiện	1973	2D12 Đồng Quốc Bình, phường Hải An, thành phố Hải Phòng	0	0	0,00%	0	0	
2	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1974	Đồng Sàng, phường Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
3	Khuất Thị Vân	1975	Số 2211A Chung cư Đại Kim Building, phố Trần Hòa, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
4	Lã Thị Liên Giang	1976	P105-C3 tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
5	Vũ Trường Minh	1977	TT28 Điện Biên Phủ, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
6	Triệu Hoài Giang	1975	P5-C3 tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
7	Phạm Ngọc Linh	1992	P712 N02 Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
8	Nguyễn Chí Quân	1982	Xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa	100.000.000	50.000.000	0,54%	24.125.461	25.874.539	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
9	Nguyễn Thị Phương Thúy	1988	330 La Thành, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	108.000.000	0	1,18%	52.110.995	55.889.005	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
10	Phùng Thị Thùy Linh	1988	Số 8, ngách 30/28 ngõ 30 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	108.000.000	0	1,18%	52.110.995	55.889.005	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
11	Trương Nho Duy	1994	Xuân Kỳ, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	111.000.000	0	1,21%	53.558.523	57.441.477	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
12	Trương Nho Mạnh	1992	28 Hà Huy Tập, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
13	Nguyễn Trọng Thịnh	1992	Số nhà 05 Tô Vĩnh Diện, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	200.000.000	100.000.000	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
14	Vũ Thị Thu Hương	1986	Tổ dân phố số 18, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	300.000.000	50.000.000	2,72%	120.627.304	129.372.696	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
15	Trần Tiến Huỳnh	1963	411 D1 Thành Công, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội; Số 12 ngách 349/37/16 Minh Khai, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
16	Nguyễn Văn Thuận	1969	Số 2 tổ 20B, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	76.000.000	0	0,83%	36.670.700	39.329.300	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
17	Đặng Anh Huy	1970	16 Lò Đúc, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
18	Nguyễn Thị Thúy Nga	1970	Số 16, Phố Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
19	Nguyễn Đức Quân	1973	Số 59, khu tái định cư Binh đoàn 12, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
20	Nguyễn Thị Bích Liên	1973	P1102, nhà 17T6 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	103.000.000	0	1,12%	49.698.449	53.301.551	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
21	Nguyễn Văn Khanh	1973	Tổ 1, Cụm Kiến Thiết, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	140.000.000	0	1,52%	67.551.290	72.448.710	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
22	Nguyễn Quý Trọng	1974	P1006, tháp Ngôi Sao, tổ 13, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	131.500.000	0	1,43%	63.449.962	68.050.038	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
23	Tô Châu	1975	1H6 Bách Khoa, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	146.100.000	0	1,59%	70.494.596	75.605.404	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
24	Đinh Ngọc Vang	1976	P7.05, nhà E, lô J, chung cư 7.3ha, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	130.000.000	0	1,42%	62.726.198	67.273.802	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
25	Nguyễn Duy Hoan	1977	P 306C khu 7,2ha Vĩnh Phúc, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	2.000.000	0	0,02%	965.018	1.034.982	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
26	Phạm Phú Ninh	1977	493 Lê Hồng Phong, xã Bác Ái Tây, tỉnh Khánh Hòa	15.600.000	0	0,17%	7.527.144	8.072.856	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
27	Trương Thế Kiên	1977	Tập thể Đại học Sân khấu điện ảnh, tổ 15, phường Mai Dịch, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
28	Đào Việt Phương	1978	Tầng 12, Chung cư 210 Quang Trung, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội; Tổ 10, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
29	Đặng Hữu Minh Tuấn	1978	3A Tổ 1 phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	136.500.000	0	1,49%	65.862.508	70.637.492	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
30	Lê Thanh Tùng	1978	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
31	Nguyễn Danh Phúc	1978	P1109-CT1B1-KĐT Xa La, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	109.600.000	0	1,19%	52.883.010	56.716.990	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
32	Nguyễn Hoàng Phú	1978	Tập thể Công ty giống gia súc Hà Nội, tổ 15, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
33	Nguyễn Trung Tuyến	1978	Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội; P 806 DN1 CT5 KĐT+D28, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
34	Đỗ Kim Dương	1979	Xã Thạch Thất, Thành phố Hà Nội	123.000.000	0	1,34%	59.348.634	63.651.366	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
35	Hoàng Kim Loan	1979	Số 77, Vương Thừa Vũ, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	70.000.000	0	0,76%	33.775.645	36.224.355	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
36	Nguyễn Thế Anh	1979	P 5.5 Licogi 19, 25 Tân Mai, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
37	Nguyễn Văn Lưu	1979	Xóm 7, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình; Số 87 Vũ Hữu, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	184.000.000	0	2,00%	88.781.696	95.218.304	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
38	Phan Thị Lan Anh	1980	154 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	500.000	0	0,01%	241.255	258.745	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
39	Lưu Thị Làn	1980	Phường Hải An, thành phố Hải Phòng	112.500.000	0	1,22%	54.282.287	58.217.713	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
40	Nguyễn Tiến Thưởng	1981	Số 82, ngõ 70, tổ dân phố 2, Ngọc Trục, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	175.000.000	0	1,90%	84.439.113	90.560.887	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
41	Phạm Thị Thanh Vân	1981	P 506, B3, Khu đô thị Nghĩa Đô, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	90.000.000	0	0,98%	43.425.829	46.574.171	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
42	Vũ Thị Huyên	1981	Số 82 Tổ dân phố 2, Ngọc Trục, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	175.000.000	0	1,90%	84.439.113	90.560.887	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
43	Trương Bá Phương	1982	Tổ dân phố 3, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	111.000.000	35.000.000	0,83%	36.670.700	39.329.300	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
44	Vũ Bảo Ngọc	1982	Số 18 N1 Tập thể X203 ngõ 421 Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	107.000.000	0	1,16%	51.628.486	55.371.514	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
45	Đỗ Thế Quang	1983	P1504 nhà Trung dự án Rice City Tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội	80.000.000	0	0,87%	38.600.737	41.399.263	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
46	Lê Thu Hiền	1983	Phòng 1017, C2B-Ecohome 2, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	75.000.000	0	0,82%	36.188.191	38.811.809	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
47	Võ Thế Lân	1983	34 xóm Hạ Hồi, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	130.000.000	0	1,42%	62.726.198	67.273.802	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
48	Nguyễn Hà Phương	1983	P202 Nhà A4 KTX Thăng Long, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
49	Lê Việt Hùng	1984	39 Lý Quốc Sư, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
50	Vũ Hoàng Giang	1984	Tổ 31, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
51	Vũ Thị Hồng Mến	1984	Xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
52	Đặng Thị Thu Huyền	1984	P1806 tháp B, chung cư New Skyline, KĐT Văn Quán, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
53	Nguyễn Thu Hương	1985	Tổ 3, cụm 3 phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
54	Nguyễn Văn Hưng	1985	Xã Hoằng Giang, tỉnh Thanh Hóa	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
55	Đinh Thị Quỳnh Trang	1986	P202 tập thể C10 Nam Thành Công, phường Láng, Thành phố Hà Nội	226.050.000	0	2,46%	109.071.208	116.978.792	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
56	Trương Huy Anh	1986	12A Nguyễn Ngọc Nại, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
57	Hà Quang Hùng	1987	42 Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
58	Lê Bá Thọ	1987	NT2, Xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa	114.000.000	0	1,24%	55.006.051	58.993.949	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
59	Vũ Thị My	1987	Xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng; Số nhà 50B6/47, ngõ 278 Thái Hà, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	122.100.000	0	1,33%	58.914.375	63.185.625	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
60	Nguyễn Hoàng Hiệp	1987	P421 nhà 41B ngõ Quan Thổ 1, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	88.000.000	0	0,96%	42.460.811	45.539.189	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
61	Nguyễn Đức Thắng	1988	Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	107.000.000	0	1,16%	51.628.486	55.371.514	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
62	Trần Thị Phương Dung	1988	Số 6, ngõ 262, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
63	Phạm Thị Trà	1989	Mạch Lũng, xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội	70.000.000	0	0,76%	33.775.645	36.224.355	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
64	Vũ Viết Quảng	1989	Số 1805 CT7F, chung cư ĐTM Dương Nội, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội	108.000.000	0	1,18%	52.110.995	55.889.005	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
65	Bùi Hồng Phúc	1990	16 Phan Văn Trường, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
66	Đặng Thùy Linh	1991	120 Hải Âu 11, Vinhome Ocean Park, Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	80.000.000	0	0,87%	38.600.737	41.399.263	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
67	Hoàng Tuấn Nam	1992	138 Giảng Võ, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
68	Nguyễn Thanh Mai	1992	Số 2, đường Khương Đình, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	140.000.000	0	1,52%	67.551.290	72.448.710	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
69	Phạm Ngọc Linh	1992	P712 N02 Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
70	Đoàn Thu Hương	1993	Số 7 ngõ 67, đường Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
71	Nguyễn Anh Tú	1994	Số 9 Đào Duy Từ, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
72	Nguyễn Thị Hải Anh	1994	Nhà số 3, ngõ 5, Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	111.000.000	0	1,21%	53.558.523	57.441.477	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
73	Nguyễn Trung Hiếu	1994	Xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	150.000.000	150.000.000	0,00%	0	0	Đã khắc phục đủ
74	Lê Đức Trung	1977	Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
75	Nguyễn Anh Tuấn	1986	Số 3 Ngõ 5 Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	111.000.000	0	1,21%	53.558.523	57.441.477	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
76	Nguyễn Thế Hùng	1981	Phòng 940, KĐT Huyndai, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
77	Nguyễn Tiến Tạo	1990	xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng; Ngõ 142 Nguyễn Đình Hoàn, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
78	Đinh Mạnh Hùng	1981	Xã Chuyên Mỹ, Thành phố Hà Nội	35.000.000	0	0,38%	16.887.822	18.112.178	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
79	Nguyễn Thị Thu Tuyết	1984	Số 21 ngõ 259, phố Yên Hòa, phường Yên Hòa, Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
80	Hoàng Sơn Hải	1989	Tổ dân phố Phú Hà, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
81	Hoàng Hải Yến	1994	Tổ dân phố Phú Hà, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	1,20%	53.076.014	56.923.986	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
82	Nguyễn Cao Lâm	1991	Phường Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	83.000.000	0	0,90%	40.048.265	42.951.735	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
83	Võ Diệu Linh	1980	63 Quán Thánh, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
84	Tống Thị Duyên	1989	P421 nhà 41B, số 721 đường Quan Thổ 1, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
85	Phạm Văn Bính	1996	Lai Đông 2, Xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh	120.000.000	0	1,31%	57.901.106	62.098.894	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
86	Lưu Quang Minh	1976	P1609 nhà NO10, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
87	Võ Thị Huyền	1983	Số 8/9/114 đường Thanh Bình, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	166.000.000	0	1,81%	80.096.530	85.903.470	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
88	Nguyễn Thuỳ Dung	1987	Phòng 5.5 toà nhà Lecogi 19, số 25 Tân Mai, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	130.000.000	0	1,42%	62.726.198	67.273.802	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
89	Doãn Quốc Hưng	1961	Tổ 25, phường Đại Kim, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	1,09%	48.250.922	51.749.078	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
90	Bùi Ngọc Anh	1988	Số nhà 138, phố Phùng Hưng, xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	1,63%	72.376.382	77.623.618	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
TỔNG CỘNG				**9.571.450.000**	**385.000.000**	**100,00%**	**4.432.546.788**	**4.753.903.212**	

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHỤ LỤC SỐ 03
NHÓM TRẦN DUY HƯNG

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Hưng bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
1	Nguyễn Thị Lệ Hương	1973	301 H6, Thành Công, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	65.000.000	0	0,39%	14.679.288	50.320.712	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
2	Trần Hồng Lâm	1976	156 Yên Phụ, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	20.000.000	0	0,12%	4.516.704	15.483.296	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
3	Nguyễn Lệ Hồng	1978	P64 B5 Tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	80.000.000	0	0,48%	18.066.815	61.933.185	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
4	Đỗ Thị Lan Hương	1979	Số 2, hẻm 9, nghách 33, ngõ Văn Chương 2, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	90.000.000	0	0,54%	20.325.167	69.674.833	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
5	Nguyễn Mai Hương	1979	28 Trần Bình, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	70.000.000	0	0,42%	15.808.463	54.191.537	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
6	Lương Thế Anh	1981	Số 17A Hàng Gà, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	127.000.000	0	0,76%	28.681.070	98.318.930	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
7	Nguyễn Chung Kiên	1981	P301, C5, Quỳnh Mai, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Hưng bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
8	Nguyễn Thị Kim Oanh	1981	Tổ 22, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	250.000.000	0	1,50%	56.458.798	193.541.202	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
9	Nguyễn Thị Mai Trang	1983	Số 6 Hàng Mành, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
10	Lã Văn Minh	1984	Phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng	165.000.000	0	0,99%	37.262.807	127.737.193	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
11	Trịnh Tiến Dũng	1984	Phòng 1006, Chung cư E3, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	790.000.000	0	4,75%	178.409.803	611.590.197	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
12	Nguyễn Duy Hưng	1989	Xã Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	65.000.000	0	0,39%	14.679.288	50.320.712	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
13	Nguyễn Thị Thu Chang	1990	Vĩnh Nhân, Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	200.000.000	0	1,20%	45.167.039	154.832.961	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
14	Nguyễn Bích Thùy	1991	Tổ dân phố số 1, Mễ Trì Hạ, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
15	Trương Quý Hoàng Linh	1991	Số 78, ngõ 304 Lê Duẩn, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Hưng bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
16	Nguyễn Phương Nhi	1992	Phòng 303 E8 Tập thể Thành Công, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	50.000.000	0	0,30%	11.291.760	38.708.240	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
17	Đinh Vũ Đức Hùng	1993	Phượng Vũ, xã Phượng Dục, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
18	Lê Đức Dũng	1980	P54A, Tập thể Viện 108, Lạc Trung, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	300.000.000	0	1,80%	67.750.558	232.249.442	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
19	Phạm Thu Thủy	1983	Số 59 tổ 8 Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	300.000.000	170.000.000	0,78%	29.358.575	100.641.425	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
20	Ngô Tuấn Anh	1979	Số 1 ngõ 82/17 tổ 22 phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (Nay là phường Nghĩa Đô);	5.899.750.000	100.000.000	34,85%	1.309.787.662	4.489.962.338	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
21	Hoàng Minh Phương	1982	22 ngõ 17 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, Thành phố Hà Nội	1.700.000.000	0	10,21%	383.919.828	1.316.080.172	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Hưng bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
22	Nhóm Vũ Khắc Thư	1980	Phòng 918, tòa nhà A8 khu chung cư Artemis số 3 Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (Nay là phường Phương Liệt)	4.197.250.000	0	25,22%	947.886.764	3.249.363.236	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
23	Nguyễn Hà Vy	1988	13B tổ 75 cụm 9 Liễu Gia, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	200.000.000	0	1,20%	45.167.039	154.832.961	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
24	Nguyễn Đình Tùng		Chưa xác định	200.000.000	0	1,20%	45.167.039	154.832.961	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
25	Nguyễn Hồng Vân	1990	59 tổ 8, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	200.000.000	100.000.000	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
26	Quân Ngọc Anh	1964	G10, ngõ 28 đường Xuân La, phường Tây Hồ, Hà Nội	180.000.000	0	1,08%	40.650.335	139.349.665	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
27	Nguyễn Văn Tú	1991	Thôn Duệ Khánh, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, Bắc Ninh (Nay là xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh)	0	0	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Hưng bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
28	Nguyễn Duy Hưng	1989	Phòng 3110 HH2A KĐT Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội (Nay là phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội)	65.000.000	0	0,39%	14.679.288	50.320.712	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
29	Nguyễn Việt Dũng	1975	Số 75 Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội (Nay là phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội)	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
30	Hoàng Trung Tuyên	1988	Số 242/4, Tổ 13, đường Nguyễn Đình Chiểu, Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng (Nay là xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng)	100.000.000	0	0,60%	22.583.519	77.416.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
31	Du Thị Phương Thảo	1984	P1006 nhà F3 ĐTM Yên Hoà, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	600.000.000	0	3,60%	135.501.116	464.498.884	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
32	Vũ Thị Thu Thủy	1985	Tổ 17, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng	300.000.000	0	1,80%	67.750.558	232.249.442	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Hưng bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
33	Nguyễn Thị Hồng Quyết	1978	P64 B5 Tập thể Kim Liên, P. Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội (Nay là phường Kim Liên, thành phố Hà Nội)	200.000.000	0	1,20%	45.167.039	154.832.961	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
TỔNG CỘNG				**17.014.000.000**	**370.000.000**	**100,00%**	**3.758.800.955**	**12.885.199.045**	

PHỤ LỤC SỐ 04
NHÓM NGUYỄN TÂN MÃO

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Mão nộp khắc phục		
1	Trần Văn Hoài	1973	105 B8 đường Tân Mai, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	123.600.000	0	4,62%	33.991.216	4.747.630	84.861.154	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
2	Nguyễn Quang Minh	1989	60 phố Đốc Ngữ, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	115.000.000	22.700.000	3,45%	25.383.408	3.545.358	63.371.234	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
3	Phạm Thanh Trà	1992	60 phố Đốc Ngữ, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	65.000.000	0	2,43%	17.875.639	2.496.732	44.627.629	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
4	Vũ Tiến Dương	1984	Xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình	117.200.000	0	4,38%	32.231.153	4.501.798	80.467.049	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
5	Phan Ngọc Hải	1991	Xã Hải An, tỉnh Ninh Bình	124.700.000	0	4,66%	34.293.727	4.789.883	85.616.390	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
6	Trần Hải Quân	1983	Xã Hải An, tỉnh Ninh Bình	117.250.000	0	4,39%	32.244.904	4.503.719	80.501.377	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
7	Phùng Thị Thúy	1988	Xã Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	90.000.000	0	3,37%	24.750.885	3.457.013	61.792.102	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Mão nộp khắc phục		
8	Hoàng Thị Thanh Mây	1983	Số 8, khu Đông 3, Đọ Xá, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh	117.250.000	0	4,39%	32.244.903	4.503.720	80.501.377	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
9	Nguyễn Thị Thanh Măng	1990	Xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội	145.000.000	0	5,42%	39.876.427	5.569.631	99.553.942	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
10	Nguyễn Văn Thanh	1989	Xã Hồng Sơn, Thành phố Hà Nội	145.000.000	0	5,42%	39.876.427	5.569.631	99.553.942	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
11	Trần Văn Thành	1993	Khu 19, xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình	110.000.000	0	4,11%	30.251.082	4.225.238	75.523.680	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
12	Trần Thị Hòa Nam	1995	Xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình	123.000.000	0	4,60%	33.826.210	4.724.584	84.449.206	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
13	Đỗ Đắc Thực	1992	25 tổ dân phố Phúc Lý 3, phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội	111.700.000	0	4,18%	30.718.599	4.290.536	76.690.865	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
14	Trần Thị Hạnh	1994	Xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình	124.700.000	0	4,66%	34.293.727	4.789.883	85.616.390	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
15	Đặng Văn Thắng	1992	Xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình	0	0	0,00%	0	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Mão nộp khắc phục		
16	Vũ Văn Tuệ	1984	Xã Bình Lục, tỉnh Ninh Bình	120.000.000	0	4,49%	33.001.181	4.609.350	82.389.469	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
17	Bùi Thị Huyền Trang	1975	Tổ 14, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	134.700.000	0	5,04%	37.043.825	5.173.996	92.482.179	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
18	Nguyễn Ngọc Thượng	1992	Xã Hải Anh, tỉnh Ninh Bình	124.700.000	0	4,66%	34.293.727	4.789.883	85.616.390	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
19	Vũ Anh Dũng	1982	192 Phó Đức Chính, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	124.700.000	0	4,66%	34.293.727	4.789.883	85.616.390	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
20	Nguyễn Thị Thu Hiền	1992	Số 45, Tổ 4, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	4,49%	33.001.181	4.609.349	82.389.470	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
21	Trần Thị Trang Nhung	1995	Yên Lợi, xã Tân Minh, tỉnh Ninh Bình	110.000.000	0	4,11%	30.251.082	4.225.238	75.523.680	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
22	Trần Thị Thảo	1994	Đệ Tứ, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình	0	0	0,00%	0	0	0	
23	Nguyễn Văn Trường		Chưa xác định được	120.000.000	0	4,49%	33.001.181	4.609.349	82.389.470	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Mão nộp khắc phục		
24	Vũ Thị Ngoan	1992	Xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình	100.000.000	0	3,74%	27.500.984	3.841.125	68.657.891	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
25	Vũ Thị Huyền		105 B8 phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội. (nay là phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội)	113.000.000	0	4,23%	31.076.112	4.340.471	77.583.417	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Nguyễn Tân Mão
26	Nguyễn Thị Thu Trang	1992	Phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai	118.000.000	118.000.000	0,00%	0	0	0	
TỔNG CỘNG				**2.814.500.000**	**140.700.000**	**100,00%**	**735.321.307**	**102.704.000**	**1.835.774.693**	

102

PHỤ LỤC SỐ 05
NHÓM NGUYỄN MINH SƠN

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
1	Nguyễn Đức Thắng	1969	Số 2 tổ 47 ngõ 113, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	20.000.000	13.653.392	0,15%	4.825.976	1.520.632	0
2	Nguyễn Tiến Nguyên	1970	A62 Tập thể, Văn Quán, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	20.000.000	13.653.392	0,15%	4.825.976	1.520.632	0
3	Nguyễn Lương Quyết	1970	A62, TT3 ĐTM Văn Quán, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
4	Lưu Danh Thượng	1971	Số nhà 17, ngách 322/95, Nhân Mỹ, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	100.000.000	68.266.959	0,76%	24.129.879	7.603.162	0
5	Nguyễn Tiến Sỹ	1971	Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
6	Trần Thị Minh Hoan	1972	Số 3, ngách 43/99 Trung Kính, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
7	Nguyễn Hoàng Minh	1975	Số nhà 58 Nguyễn Thái Học, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	120.000.000	81.920.351	0,91%	28.955.855	9.123.794	0
8	Hà Huy Long	1976	21 ngách 3, ngõ 11, Tô Hiệu, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	100.000.000	68.266.959	0,76%	24.129.879	7.603.162	0
9	Ngô Văn Hùng	1976	Xóm Chợ, xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	80.000.000	54.613.567	0,61%	19.303.903	6.082.530	0
10	Nguyễn Gia Hưởng	1976	18C, ngõ Lao Động, Đại La, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	72.260.000	49.329.705	0,55%	17.436.250	5.494.045	0
11	Phạm Quang Trung	1976	Tổ 23, Đại Kim, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	130.000.000	88.747.047	0,99%	31.368.842	9.884.111	0
12	Lê Kim Ánh	1977	128 Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	119.750.000	81.749.684	0,91%	28.895.530	9.104.786	0
13	Nguyễn Hữu Toàn	1977	Tổ dân phố 4, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
14	Phạm Minh Đông	1977	Số 4, ngách 396/29 Trương Định, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
15	Vũ Ngọc Quyền	1978	Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên; 97 Mễ Trì Thượng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	117.000.000	79.872.342	0,89%	28.231.958	8.895.700	0
16	Vũ Phạm Thái	1978	Tổ dân phố 1 Đình, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
17	Đào Thúy Ngà	1978	Nhà 19 đường Hoa Điệp Vàng, Khu biệt thự Mê Linh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
18	Nguyễn Trọng Vân	1979	P.3222-CT10C, KĐT Đại Thanh, xã Đại Thanh, Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
19	Nguyễn Thị Thắm	1989	P.3222-CT10C, KĐT Đại Thanh, Thanh Trì, Hà Nội (Nay là P.3222-CT10C, KĐT Đại Thanh, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội)	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
20	Vũ Thành Chung	1979	Tổ 18, Trung Văn, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	123.300.000	84.173.161	0,94%	29.752.140	9.374.699	0
21	Đặng Anh Minh	1979	Khu D Tập thể ĐH Tổng hợp, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	199.000.000	135.851.249	1,52%	48.018.459	15.130.292	0
22	Đặng Thị Ánh Lệ	1981	Khu D - TTĐHTH Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
23	Hoàng Nghĩa Đức	1980	Xóm Chợ, xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
24	Nguyễn Hồng Tân	1980	P3810 CT2A Kim Văn – Kim Lũ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
25	Nguyễn Thanh Hà	1980	Số 16 ngách 52 ngõ 1, Phạm Tuấn Tài, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
26	Hoàng Thái Ninh	1980	Số 2 ngõ 20 Lê Văn Hiến, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
27	Hoàng Thị Thu Vân	1981	P902, Đường Nguyễn Khoái, Tổ dân phố 1, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
28	Vũ Đức Bình	1981	Căn 430-CT11-ĐTM Kim Văn, Kim Lũ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	120.000.000	81.920.351	0,91%	28.955.855	9.123.794	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	Còn phải bồi thường
29	Trần Thị Thanh Thủy	1982	Số 43, khu Hà Trì 1, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
30	Lê Thị Thắng	1982	P303, CT 12 khu đô thị Mễ Trì Hạ, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
31	Ngô Thị Huyền	1983	1809 Chung Cư Đông Đô, Phố Nghĩa Đô, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	100.000.000	68.266.959	0,76%	24.129.879	7.603.162	0
32	Nguyễn Thị Phượng	1983	Đội 4, Thôn Trung Vực Ngoài, Xã Hòa Phú, Thành phố Hà Nội	130.000.000	88.747.047	0,99%	31.368.842	9.884.111	0
33	Nguyễn Thị Thơ	1983	Số 121, ngõ Thái Thịnh 1, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
34	Trần Hữu Bắc	1983	Số 24, tổ 25 Quan Hoa, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
35	Hoàng Hồng Hạnh	1974	P6 D3, Tập thể Bộ Giao thông, Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	84.200.000	57.480.780	0,64%	20.317.358	6.401.862	0
36	Nguyễn Hồng Tâm	1984	Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
37	Nguyễn Mạnh Tứ	1984	Tổ 24, đường Thanh Am, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội; Số 100A, Tổ 24 Thượng Thanh, phường Việt Hưng Thành phố Hà Nội	1.900.000	1.297.072	0,01%	458.468	144.460	0
38	Nguyễn Minh Công	1984	Miếu Thờ, Tiên Dược, Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	51.000.000	34.816.149	0,39%	12.306.238	3.877.613	0
39	Nguyễn Phương Ly	1984	11 Châu Long, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	112.600.000	76.868.596	0,86%	27.170.244	8.561.160	0
40	Nguyễn Thành Nam	1984	PA906 Khu chung cư Xuân Mai, Tô Hiệu, phường Hà	115.000.000	78.507.003	0,88%	27.749.361	8.743.636	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
			Đông, Thành phố Hà Nội						
41	Vũ Phạm Xuân Anh	1984	Tổ 31, Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
42	Nguyễn Thị Bích Liên	1985	Số 7, hẻm 670/61/2, Đức Giang, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
43	Vũ Xuân Hoàng	1985	Xóm Hồng Thái, xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình	67.000.000	45.738.863	0,51%	16.167.019	5.094.118	0
44	Trần Thị Minh Thơm	1986	P1810, OCT 5B Khu đô thị Resco, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	114.500.000	78.165.668	0,87%	27.628.711	8.705.621	0
45	Phạm Thị Tuyết	1986	Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Số P601 CT6 Khu đô thị Tứ Hiệp, phường	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
			Yên Sở, Thành phố Hà Nội						
46	Hoàng Vân Anh	1987	Số 11 ngách 10 ngõ 575 Kim Mã, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	116.200.000	79.326.207	0,89%	28.038.919	8.834.874	0
47	Phạm Dương Văn	1987	15 Hoàng Tổ dân phố, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	75.000.000	51.200.219	0,57%	18.097.409	5.702.372	0
48	Phạm Đình Quý	1987	Số 281 Đại Mỗ, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	117.200.000		0,89%	28.280.218	88.919.782	0
49	Công Thị Vân	1988	Tổ 53E2 khu tập thể đại học Thương mại, Dương Khuê, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
50	Tạ Tiến Dũng	1988	78/800A Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa	3.000.000		0,02%	723.896	2.276.104	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
			Đô, Thành phố Hà Nội						
51	Phạm Thị Hương Quê	1989	Phường Duy Tân, Thành phố Hải Phòng	115.260.000	78.684.497	0,88%	27.812.098	8.763.405	0
52	Nguyễn Trung Hiếu	1989	Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	124.100.000	84.719.296	0,95%	29.945.180	9.435.524	0
53	Hoàng Anh Tuấn	1990	Tổ 5, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
54	Lê Đình Cường	1990	Phố 4, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa	115.260.000	78.684.497	0,88%	27.812.098	8.763.405	0
55	Ninh Thị Hiên	1990	Số nhà 19, ngõ 38 Văn Phú, phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội	110.000.000		0,84%	26.542.867	83.457.133	0
56	Trần Thị Hồng	1990	Xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	0	0	0,00%	0	0	0
57	Hà Thanh Xuân	1991	Số 2a ngách 32, ngõ 176 Trương Định, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	81.600.000	55.705.839	0,62%	19.689.981	6.204.180	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
58	Hoàng Nhật Minh	1991	360 Lê Lai, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	112.600.000	76.868.596	0,86%	27.170.244	8.561.160	0
59	Phan Quốc Đạt	1991	Số 10 hẻm 337/73/20, tổ 19, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	120.000.000		0,91%	28.955.855	91.044.145	0
60	Nguyễn Thị Như Trang	1991	Xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	0	0	0,00%	0	0	0
61	Bùi Văn Thành	1992	Xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
62	Ngô Thị Thu Hà	1992	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
63	Nguyễn Thị Hạnh	1992	Số 10 Ngõ 68 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	80.000.000	54.613.567	0,61%	19.303.903	6.082.530	0
64	Nguyễn Thị Nhàng	1992	Đội 1, xóm Đoàn Ái, thôn Vô Lượng, xã Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng	115.760.000	79.025.832	0,88%	27.932.748	8.801.420	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
65	Vũ Thị Hương	1992	Tổ 3, phố Nguyễn Danh Đới, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	112.600.000	76.868.596	0,86%	27.170.244	8.561.160	0
66	Dương Văn Thiện	1993	Xóm 1, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	0	0	0,00%	0	0	0
67	Lê Khánh Hòa	1993	P12A10, TSC34 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	86.000.000	58.709.585	0,66%	20.751.696	6.538.719	0
68	Lê Thị Kim Dung	1993	Số 41, tổ 25, Dịch Vọng Hậu, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
69	Nguyễn Anh Sơn	1993	Số nhà 44, ngõ 236, phố Đại Từ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	114.000.000		0,87%	27.508.062	86.491.938	0
70	Phạm Thị Ngà	1993	Xã Tây Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	113.000.000		0,86%	27.266.763	85.733.237	0
71	Trần Thị Thu Hải	1993	Đội 3, Đinh Trạch, Liên Minh, tỉnh Ninh Bình	0	0	0,00%	0	0	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
72	Nguyễn Thị Thu Hà	1993	Số 10B, Chung cư Viện Chiến lược Khoa Học, Bộ Công An, tổ 38, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	110.000	75.094	0,00%	26.543	8.363	0
73	Nguyễn Thị Hiền	1993	Xóm Phúc Xuân, xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
74	Hà Thị Thắm	1994	Số 41, ngõ 20 phố Nguyễn Chính, Phường Hoàng Mai, thành phố. Hà Nội	87.000.000	59.392.254	0,66%	20.992.995	6.614.751	0
75	Hoàng Phương Uyên	1994	Số 8A ngách 105/21 ngõ 105 đường Yên Hòa, tổ 35, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	65.000.000	44.373.523	0,50%	15.684.422	4.942.055	0
76	Trần Phương Huyền	1994	Số nhà 19B, Ngõ 232, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	82.800.000	56.525.042	0,63%	19.979.540	6.295.418	0
77	Vũ Văn Thái	1994	Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng	120.000.000	81.920.351	0,91%	28.955.855	9.123.794	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
78	Hà Thị Minh Phương	1995	xã Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0	0	0,00%	0	0	0
79	Lương Xuân Sang	1987	Tổ 18, Trung Văn, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
80	Nguyễn Thùy Linh	1994	Số 20, ngõ 236, Đại Từ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	110.000.000		0,84%	26.542.867	83.457.133	0
81	Phạm Quang Thế	1979	Căn hộ 1510, nhà A2, khu Đền Lừ, phường Tương Mai Thành phố Hà Nội	120.000.000	81.920.351	0,91%	28.955.855	9.123.794	0
82	Lương Thị Nga	1983	Tổ dân phố 18 Trung Văn, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	112.500.000	76.800.329	0,86%	27.146.114	8.553.557	0
83	Nguyễn Văn Hậu	1992	Thanh Xuân, xã Bích Hào, tỉnh Nghệ An	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
84	Nguyễn Thị Hương Bưởi	1984	88 ngõ 445 tổ 2, Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	117.000.000	79.872.342	0,89%	28.231.958	8.895.700	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
85	Nguyễn Văn Khánh	1985	Số 5 Hòe Thị, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	110.000.000	75.093.655	0,84%	26.542.867	8.363.478	0
86	Trần Thị Ngọc Sáu	1984	Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội	8.000.000		0,06%	1.930.390	6.069.610	0
87	Lê Thị Hằng	1994	90/703 Trường Chinh, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	110.000.000		0,84%	26.542.867	83.457.133	0
88	Bùi Hoàng Chung	1970	203A2, Ngõ 29 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	116.000.000	79.189.673	0,88%	27.990.659	8.819.668	0
89	Phạm Ngọc Chi	1991	Số 74, tổ A1, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	0	0	0,00%	0	0	0
90	Nguyễn Thị Lê	1979	P1510 Nhà A2 Đền Lừ, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	120.000.000	81.920.351	0,91%	28.955.855	9.123.794	0
91	Lê Thị Mỹ Linh	1993	P115 - C2 Kim Liên, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	3.000.000		0,02%	723.896	2.276.104	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
92	Lê Khánh Trình	1982	Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	230.000.000	157.014.006	1,75%	55.498.721	17.487.273	0
93	Phạm Thị Tuyết	1986	Xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Số P601 CT6 Khu đô thị Tứ Hiệp, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0
94	Nguyễn Hồng Nam	1975	Số 6, dãy 1, ngõ 20 Ngô Quyền, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	80.000.000	54.613.567	0,61%	19.303.903	6.082.530	0
95	Bùi Huy Hồng	1975	1B Hàng Cau, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	0	0	0,00%	0	0	0
96	Lê Quang Long	1992	308 Hàn Thuyên, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	1.000.000		0,01%	241.298	758.702	0
97	Trần Thị Ngọc Anh	1993	Phường Yên Sơn, tỉnh Ninh Bình	260.000.000	177.494.094	1,98%	62.737.685	19.768.221	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ %số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Nguyễn Minh Sơn nộp khắc phục	
98	Trần Thị Hải Yến		Yên Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (Nay là phường Yên Sơn, tỉnh Ninh Bình)	0	0	0,00%	0	0	0
99	Trần Quốc Thắng	1979	Xã Đông Kinh, tỉnh Hà Tĩnh; P1928 VP5 Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội	1.200.000.000	819.203.510	9,14%	289.558.546	91.237.944	0
100	Trần Quốc Việt	1976	4B, ngõ 142 Nguyễn Đình Hoàn, tổ 23, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	1.920.000.000		14,62%	463.293.673	1.456.706.327	0
101	Phạm Quang Thắng	1976	P401-A3, tập thể Bưu Điện, 60 Thổ Quan, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	1.943.000.000	1.326.427.017	14,80%	468.843.545	147.729.438	0
102	Lê Chí Kiên	1975	8Q37 phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	2,40%	76.040.235	23.959.765	0
TỔNG CỘNG				**12.914.500.000**	**6.884.927.631**	**100%**	**3.168.163.556**	**2.861.408.813**	**0**

PHỤ LỤC SỐ 06
NHÓM PHÙNG THỊ THANH HUẾ

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
1	Phùng Thanh Nam	1977	Số 63, đường Đỏ 2, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng	0	0	0,00%	0	0	
2	Nguyễn Thùy Dung	1987	Số 15 ngõ 127 Phú Viên, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	40.000.000	40.000.000	0,00%	0	0	
3	Ngô Thế Điệp	1980	Số 7 ngõ 40, tổ 10 Tây Sơn, phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	
4	Trần Duy Hưng	1991	Số 32, Tây Sơn, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	
5	Phùng Thanh Thỏa	1984	Số 63, đường Đỏ 2, phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng	0	0	0,00%	0	0	
6	Trần Vân Anh	1988	Số 63, Đường Đỏ 2, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng	0	0	0,00%	0	0	
7	Trần Đức Hiếu	1995	P3-C8, Kim Liên, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
8	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1988	282 Cổ Nhuế, xã Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
9	Nguyễn Duy Châu	1990	Xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh	0	0	0,00%	0	0	
10	Nguyễn Viết Thắng	1990	Ngõ 282 Cổ Nhuế, xã Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
11	Hoàng Minh Thái	1993	Số 42, ngách 86/16 Tô Vĩnh Diện, P. Khương Đình, Thành phố Hà Nội	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	
12	An Thùy Linh	1993	Số 487 Nguyễn Khang, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội (Nay là phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội)	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	
13	Trần Thị Thủy	1993	Phường Phù Liễn, Thành phố Hải Phòng	75.000.000	75.000.000	0,00%	0	0	
14	Nguyễn Văn Biên	1977	Số 32, ngõ 58 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	5.500.000	5.500.000	0,00%	0	0	
15	Trần Xuân Trung	1978	Tổ dân phố Ngang, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	160.000.000	160.000.000	0,00%	0	0	
16	Hoàng Thị Hạnh Dung	1978	Số 122 Hữu Hưng, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
17	Nguyễn Thị Hòa	1979	Kiều Mai, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	270.000.000	270.000.000	0,00%	0	0	
18	Đỗ Quang Huy	1978	P708, tòa nhà Vinaconex đường K2, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
19	Đỗ Thị Thùy Chi	1982	Kiều Mai, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
20	Phạm Xuân Thắng	1978	Tổ dân phố Ngọa Long 1, phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội	60.000.000	60.000.000	0,00%	0	0	
21	Nguyễn Thị Minh Hồng	1979	CH R1-22-28 Chung cư Royal City, 72/7 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	
22	Chu Việt Phương	1981	Số 4 ngõ 62 Trúc Lạc, Phó Đức Chính, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	400.000.000	400.000.000	0,00%	0	0	
23	Bùi Hương Giang	1988	P7-9-A2 Tập thể Trần Quốc Toản, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
24	Bùi Thanh Hương	1982	Số 4 ngõ 62 Trúc Lạc, Phó Đức Chính, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
25	Nguyễn Anh Tú	1993	40a ngõ Vĩnh Phúc 1, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
26	Đỗ Quốc Đạt	1982	Thôn Bạch Trữ, xã Tiến Thắng, Thành phố Hà Nội	115.000.000	115.000.000	0,00%	0	0	
27	Giang Lương Kiên	1984	P104, Nhà B2, Khu tập thể trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	160.000.000	160.000.000	0,00%	0	0	
28	Giang Thị Thủy	1981	Tập thể quân đội Bắc Nghĩa Tân, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
29	Nguyễn Thị Hương	1986	P104, Nhà B2, Khu tập thể trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
30	Hồ Đình Tuân	1987	Số 4A, Dãy D9, Ngõ 12, Ngô Quyền, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	450.000.000	450.000.000	0,00%	0	0	
31	Bùi Phương Thùy	1992	Xã Mường Thàng, tỉnh Phú Thọ	0	0	0,00%	0	0	
32	Hồ Minh Tâm	1993	S4A, Dãy D9, Ngõ 12, Ngô Quyền, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội (Nay là S4A, Dãy D9, Ngõ 12 Ngô Quyền, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)	0	0	0,00%	0	0	
33	Đặng Thị Hương Thảo	1988	Số 4 ngách 1 ngõ 107A Tôn Đức Thắng, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	
34	Trần Anh Tuấn	1989	Số 22 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	170.000.000	170.000.000	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
35	Trần Thị Quỳnh Tâm	1992	Tổ 12, Trạm, phường Long Biên, thành phó Hà Nội; Số 23, tổ 14, phố Trạm, phường Long Biên, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
36	Lưu Danh Đạt	1989	Tổ dân phố 13, Nhân Mỹ, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	160.000.000	160.000.000	0,00%	0	0	
37	Nguyễn Thị Hà	1989	Số 9, ngách 322/95, Mỹ Đình, Nhân Mỹ, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
38	Lê Văn Hùng	1990	Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa	70.000.000	70.000.000	0,00%	0	0	
39	Hoàng Thị Thảo	1991	Liên Sơn, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng	75.000.000	75.000.000	0,00%	0	0	
40	Nguyễn Thị Trà My	1992	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	80.000.000	80.000.000	0,00%	0	0	
41	Trần Tuấn Quang	1993	Số nhà 37B, đường 10, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình	110.000.000	110.000.000	0,00%	0	0	
42	Phạm Đức Tiến	1993	44/231 Trần Nhật Duật, phường Nam Định; tỉnh Ninh Bình	75.000.000	75.000.000	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
43	Phạm Mạnh Tiến	1984	Tổ dân phố Ngoạ Long 1, phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội	348.000.000	348.000.000	0,00%	0	0	
44	Đặng Quốc Thế	1969	Số 1 ngõ Hòa Bình 7, tổ 21B phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	1.098.850.000	1.098.850.000	0,00%	0	0	
45	Nông Khánh Linh	1993	P905-A1-CC Hòa Bình GreenCity 505 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai bà Trưng, Hà Nội	70.000.000	0	1,83%	54.481.180	15.518.820	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
46	Nguyễn Thị Huê	1989	Phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng	0	0	0,00%	0	0	
47	Vũ Thị Ngọc Lan	1960	2B Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
48	Bùi Thị Nguyệt	1960	Số 42 Ngách 88/16 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Đình, Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
49	Trịnh Ngọc Vinh	1971	P2105B toà nhà FLC Landmark tower, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	900.000.000	0	23,55%	700.472.315	199.527.685	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
50	Vũ Anh Tuấn	1968	55 ngõ Quỳnh, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	2.750.000.000	0	71,94%	2.140.332.074	609.667.926	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
51	Trịnh Thanh Hường	1975	P2105B toà nhà FLC Landmark tower, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	102.460.000	0	2,68%	79.744.882	22.715.118	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
TỔNG CỘNG				**8.344.810.000**	**4.522.350.000**	**100,00%**	**2.975.030.451**	**847.429.549**	

PHỤ LỤC SỐ 07
NHÓM PHẠM THẾ HÙNG

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
1	Mai Nguyên Đông	1969	Khối 3, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	110.000.000	0	0,65%	31.393.803	3.253.121	75.353.076	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
2	Phạm Thị Thùy Dung	1980	Lô 1, LK2, khu đấu giá Mậu Lương, phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội	109.600.000	0	0,65%	31.279.644	3.241.291	75.079.065	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
3	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	P109A2, khu tập thể Nam Đồng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	116.326.000	0	0,69%	33.199.232	3.440.205	79.686.563	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
4	Nguyễn Thị Thu Hương	1980	P605, B5, tập thể Ngân hàng, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	111.352.000	0	0,66%	31.779.662	3.293.104	76.279.234	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
5	Lê Thị Minh Thủy	1978	Số 7, tổ 15, phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	224.414.000	0	1,33%	64.047.354	6.636.780	153.729.866	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
6	Phạm Lệ Mỹ	1985	P1402 CT8B, chung cư Tả Thanh Oai, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	111.862.000	0	0,66%	31.925.215	3.308.187	76.628.598	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
7	Nguyễn Thị Lan Anh	1994	Thôn Liên Tân, Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	75.567.000	0	0,45%	21.566.687	2.234.805	51.765.508	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
8	Nguyễn Phương Thảo	1983	Tổ 9 phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	110.000.000	100.000.000	0,06%	2.853.982	295.738	6.850.280	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
9	Vũ Thị Phương Liên	1984	P402b, nhà A, ngõ 805 Giải Phóng, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	111.862.000	0	0,66%	31.925.215	3.308.187	76.628.598	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
10	Đỗ Thị Tâm	1985	Số 111 Văn Quán, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	110.730.000	0	0,65%	31.602.144	3.274.709	75.853.147	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
11	Nguyễn Thị Thanh Hà	1975	42B Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	119.599.000	0	0,71%	34.133.341	3.536.999	81.928.660	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
12	Nguyễn Thị Thanh Loan	1982	Kim Mã, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	118.720.000	0	0,70%	33.882.476	3.511.004	81.326.520	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
13	Đặng Chí Cương	1975	Phòng 403, toà CT2C, Khu Đô Thị Mới Nghĩa Đô, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	142.513.000	0	0,84%	40.672.955	4.214.654	97.625.391	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
14	Hoàng Thị Vinh	1979	Số 10, ngõ 142 Nguyễn Đình Hoàn, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	115.000.000	0	0,68%	32.820.794	3.400.990	78.778.216	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
15	Nguyễn Thị Minh	1983	Số 20, ngõ 112 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	112.500.000	0	0,67%	32.107.299	3.327.055	77.065.646	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
16	Tôn Tích Quang Nam	1975	Số 42, ngách 74 Thịnh Hào 1, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,59%	28.539.821	2.957.382	68.502.797	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
17	Tạ Thị Ánh Tuyết	1976	Tổ 7 Thượng Đình, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	118.000.000	30.000.000	0,52%	25.115.043	2.602.496	60.282.461	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
18	Nguyễn Tùng Dương	1979	Số 28A, ngõ 89 Lương Định Của, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	31.149.000	10.000.000	0,13%	6.035.887	625.457	14.487.656	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
19	Đào Thị Diễm	1993	Xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	104.500.000	0	0,62%	29.824.113	3.090.465	71.585.422	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
20	Lương Minh Hài	1979	BT3.16 Khu đô thị Chức năng Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội	205.000.000	100.000.000	0,62%	29.966.812	3.105.252	71.927.936	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
21	Nguyễn Doãn Cương	1994	Thôn Vàng, xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	3.792.000	0	0,02%	1.082.230	112.144	2.597.626	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
22	Nguyễn Thụy Sỹ	1981	Số 44, ngõ 13 tổ 45 phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	0,71%	34.247.786	3.548.858	82.203.356	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
23	Vũ Văn Hạo	1986	Xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình	120.000.000	0	0,71%	34.247.786	3.548.858	82.203.356	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
24	Đỗ Khắc Phú	1978	02/46/105 Doãn Kế Thiện, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội	4.000.000	0	0,02%	1.141.593	118.295	2.740.112	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
25	Nguyễn Văn Lập	1980	Số 10, nhà A, khu tập thể Viện Quân Y 354, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	140.000.000	0	0,83%	39.955.750	4.140.335	95.903.915	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
26	Phạm Phương Anh	1993	24/66 đường Láng, phường Láng, Thành phố Hà Nội	112.000.000	110.000.000	0,01%	570.796	59.148	1.370.056	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
27	Hoàng Minh Đức	1992	P1605 tòa 14 Time City, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	14.650.000	0	0,09%	4.181.084	433.256	10.035.660	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
28	Dương Thị Hoàng Hà	1982	Số 16, ngõ 68/119 Phố Cầu Giấy, tổ 9 phường Nghĩa Đô, Hà Nội	100.000.000	0	0,59%	28.539.821	2.957.382	68.502.797	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
29	Nguyễn Trung Dũng	1992	Tổ 7, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	104.000.000	0	0,62%	29.681.414	3.075.678	71.242.908	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
30	Trần Thị Thu Hằng	1991	Tập thể Pin Văn Điển, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	100.000.000	0	0,59%	28.539.821	2.957.382	68.502.797	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
31	Nguyễn Đình Cương	1988	P406, nhà B2, KĐT Mỹ Đình I, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	0,65%	31.393.803	3.253.121	75.353.076	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
32	Vũ Thùy Linh	1985	P506N5D, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0	
33	Đỗ Xuân Trung	1991	Tổ 4, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	105.000.000	0	0,62%	29.966.812	3.105.252	71.927.936	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
34	Nguyễn Đình Đại	1995	Thôn Hồng Quang, xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên	108.000.000	0	0,64%	30.823.007	3.193.973	73.983.020	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
35	Kiều Xuân Tuyến	1974	Tập thể cấp 3 Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	0,65%	31.393.803	3.253.121	75.353.076	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
36	Lê Hồng Khánh	1975	P2408, chung cư Hòa Phát, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	130.000.000	0	0,77%	37.101.768	3.844.596	89.053.636	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
37	Lê Hồng Nhung	1992	Hẻm 172 đường 30/4 Dương Đông, đặc khu Phú Quốc, An Giang	110.000.000	0	0,65%	31.393.803	3.253.121	75.353.076	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
38	Phạm Thị Hoa	1990	Số 29A, ngõ 5 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	110.000.000	0	0,65%	31.393.803	3.253.121	75.353.076	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
39	Nguyễn Thị Thúy Ngân	1980	số 139 ngõ Láng Trung, phường Láng, Thành phố Hà Nội	113.000.000	0	0,67%	32.249.998	3.341.842	77.408.160	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
40	Nguyễn Thị Thiện	1989	Tổ Thành Trung, xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	120.000.000	0	0,71%	34.247.785	3.548.859	82.203.356	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
41	Vũ Văn Hà	1987	Thôn Lưu, xã Bắc Lý, tỉnh Ninh Bình	111.950.000	0	0,66%	31.950.330	3.310.789	76.688.881	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
42	Lê Công Khuê	1989	Thôn Cầu Bài, xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh	110.000.000	0	0,65%	31.393.803	3.253.121	75.353.076	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
43	Nguyễn Thị Lan Anh	1973	Số nhà 21, ngõ 154, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	125.000.000	0	0,74%	35.674.777	3.696.727	85.628.496	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
44	Đỗ Phúc Ánh	1993	Số 01, ngách 32/85 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội (Nay là phường Đống Đa, thành phố Hà Nội)	5.517.000	0	0,03%	1.574.542	163.159	3.779.299	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
45	Phạm Minh Hùng	1988	Bồ Sơn, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh	5.000.000	0	0,03%	1.426.991	147.869	3.425.140	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
46	Phạm Văn Thu	1993	phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	2.550.000	0	0,02%	727.765	75.414	1.746.821	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
47	Trần Thị Quý	1993	Tổ 2, khu 8, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	3.787.000	0	0,02%	1.080.803	111.996	2.594.201	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
48	Chử Lê Ngọc Diệp	1983	Số 2, hẻm 445/50/5 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	8.050.000	0	0,05%	2.297.456	238.069	5.514.475	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
49	Nguyễn Mạnh Trung	1993	937 Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	6.270.000	0	0,04%	1.789.447	185.428	4.295.125	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
50	Bùi Phước Bình	1992	Khu I, xã Sơn Động, tỉnh Bắc Ninh	950.000	0	0,01%	271.128	28.095	650.777	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
51	Dương Tự Tín	1989	Số 8, ngõ 80 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	4.600.000	0	0,03%	1.312.832	136.039	3.151.129	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
52	Nguyễn Thị Ánh	1994	Khu Tiền Phong, xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	9.447.000	0	0,06%	2.696.157	279.384	6.471.459	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
53	Nguyễn Hữu Cường	1990	Đội 3, Yên Phú, Xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình	8.850.000	0	0,05%	2.525.774	261.728	6.062.498	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
54	Lê Thị Hà	1983	P1612, nhà N011A KĐT Sài Đồng, phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội	10.100.000	0	0,06%	2.882.522	298.695	6.918.783	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
55	Vũ Thị Minh Trang	1994	Cây Xanh, Dược Hạ, xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	5.000.000	0	0,03%	1.426.991	147.869	3.425.140	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
56	Nguyễn Xuân Học	1979	Cụm 6, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội	3.150.000	0	0,02%	899.004	93.158	2.157.838	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
57	Trần Hoài Cương	1975	Tổ 35, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	8.250.000	0	0,05%	2.354.535	243.984	5.651.481	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
58	Nguyễn Văn Quân	1994	Xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên	50.000.000	0	0,30%	14.269.911	1.478.691	34.251.398	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
59	Đặng Thị Quyên	1984	P912 CT235-08 Thanh Liệt, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	24.662.000	0	0,15%	7.038.491	729.349	16.894.160	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
60	Đỗ Huy Triệu	1975	P1207 tòa nhà ECC Mulberry lane, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0	
61	Nguyễn Quảng Đà	1985	Số 6/36, ngõ 89 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	3.000.000	0	0,02%	856.195	88.721	2.055.084	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
62	Nguyễn Thị Cẩm Thạch	1977	Số 175, ngõ 211 phố Khương Trung, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	7.057.000	0	0,04%	2.014.055	208.703	4.834.242	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
63	Mai Tiến Phong	1968	Số 41 Đặng Trần Côn, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	18.431.000	0	0,11%	5.260.175	545.075	12.625.750	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
64	Phạm Hữu Hoàng	1978	Đồng Vinh, xã Chuyên Mỹ, Thành phố Hà Nội	18.644.000	0	0,11%	5.320.964	551.375	12.771.661	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
65	Đào Thanh Đoàn	1977	P901, nhà H1-3, phường Thanh Liệt Thành phố Hà Nội	7.343.000	0	0,04%	2.095.679	217.161	5.030.160	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
66	Lê Thị Thanh Thủy	1971	1/40/358 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	81.000.000	0	0,48%	23.117.255	2.395.480	55.487.265	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
67	Nhóm Lê Chí Thành	1971	P1008, chung cư 174 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội (Nay là phường Tây Hồ)	6.040.000.000	0	35,73%	1.723.805.201	178.625.886	4.137.568.913	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
68	Nhóm Hoàng Văn Khải	1974	thôn Đồng Đoài, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường Thuận Thành)	2.630.000.000	0	15,56%	750.597.298	77.779.152	1.801.623.550	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Hùng nộp khắc phục		
69	Hoàng Hồng Hạnh	1974	P6 D3, Tập thể Bộ Giao thông, Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	2.950.000.000	0	17,45%	841.924.726	87.242.775	2.020.832.499	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
70	Nguyễn Văn Hồng	1984	Xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng	605.100.000	0	3,58%	172.694.458	17.895.120	414.510.422	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
71	Lê Quang Hùng	1982	610 Ngọc Thụy, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	200.000.000	0	1,18%	57.079.642	5.914.765	137.005.593	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
TỔNG CỘNG				**17.256.844.000**	**350.000.000**	**100,00%**	**4.825.183.049**	**500.000.000**	**11.581.660.951**	

PHỤ LỤC SỐ 08
NHÓM HOA BÁCH TÙNG

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Tùng nộp khắc phục		
1	Hoa Đức Mạnh	1990	32 ngõ 201 Cổ Nhuế, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	72.870.000	0	41,67%	21.307.042	12.501.286	39.061.672	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
2	Hoa Quốc Vinh	1983	Xóm 15, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	102.000.000	0	58,33%	29.824.595	17.498.714	54.676.691	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
3	Đỗ Tuấn Hưng	1989	Tổ dân phố Viên 4, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0	
4	Đỗ Tiến Thịnh	1992	Tổ dân phố Viên 4, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	0	
5	Hoàng Chí Thanh	1987	Tổ dân phố Trù 2, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	65.000.000	65.000.000	0,00%	0	0	0	Đã khắc phục đủ

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Tùng nộp khắc phục		
6	Lê Quốc Duy	1983	44/46 Trần Quốc Hoàn, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	65.000.000	65.000.000	0,00%	0	0	0	Đã khắc phục đủ
TỔNG CỘNG				**304.870.000**	**130.000.000**	**100,00%**	**51.131.637**	**30.000.000**	**93.738.363**	

PHỤ LỤC SỐ 09
NHÓM LÊ CHÍ THÀNH

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Lê Chí Thành bồi thường trực tiếp cho bị hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
1	Ngô Huy Anh	1987	18 ngách 159/14 phố Hồng Mai, phường Bách Mai, Thành phố Hà Nội	119.390.000	0	4,57%	86.907.191	32.482.809	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
2	Trần Nam Tân	1993	Phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình	159.390.000	0	6,10%	116.024.266	43.365.734	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
3	Nguyễn Sơn Tùng	1994	B16, P68, khu tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	159.390.000	0	6,10%	116.024.266	43.365.734	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
4	Phạm Phương Ngân	1993	Số 5 ngách 233/1 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	160.000.000	0	6,12%	116.468.301	43.531.699	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
5	Nguyễn Mạnh Tiến	1992	68 Vị Hoàng, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	159.390.000	0	6,10%	116.024.266	43.365.734	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
6	Vũ Hải Anh	1970	50/57/229 Miếu 2 xã, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng	320.000.000	0	12,24%	232.936.602	87.063.398	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
7	Tôn Thị Thiên Hảo	1971	1507 CT01, KĐT Mỗ Lao, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	150.000.000	101.234.887	1,87%	35.497.437	13.267.676	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Lê Chí Thành bồi thường trực tiếp cho bị hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
8	Đỗ Phúc Ánh	1993	Số 01, ngách 32/85 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội (Nay là phường Đống Đa, thành phố Hà Nội)	8.050.000	0	0,00%	0	8.050.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
9	Phạm Văn Thu	1993	phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh	2.500.000	0	0,00%	0	2.500.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
10	Trần Thị Quý	1993	Tổ 2, khu 8, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	6.780.000	0	0,00%	0	6.780.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
11	Nguyễn Văn Linh	1988	Phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	Đã khắc phục đủ
12	Bùi Phước Bình	1992	Khu I, xã Sơn Động, tỉnh Bắc Ninh	208.050.000	208.050.000	0,00%	0	0	Đã khắc phục đủ
13	Nguyễn Hồng Sơn	1965	xã Tân Tiến, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Nay là phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh)	200.000.000	200.000.000	0,00%	0	0	Đã khắc phục đủ
14	Ngô Quang Cường	1972	Số 6, ngõ 59 Hà Vị, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	10.000.000	0	0,38%	7.279.269	2.720.731	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
15	Dương Tự Tín	1989	Số 8, ngõ 80 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	119.390.000	50.000.000	2,66%	50.510.846	18.879.154	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Lê Chí Thành bồi thường trực tiếp cho bị hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
16	Nguyễn Thị Ánh	1994	Khu Tiền Phong, xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	2.870.000	0	0,00%	0	2.870.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
17	Nguyễn Hữu Cường	1990	Đội 3, Yên Phú, Xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình	2.400.000	0	0,00%	0	2.400.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
18	Nguyễn Xuân Học	1979	Cụm 6, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội	8.050.000	0	0,00%	0	8.050.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
19	Nguyễn Văn Quân	1994	Xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên	100.000.000	100.000.000	0,00%	0	0	Đã khắc phục đủ
20	Đặng Thị Quyên	1984	P912 CT235-08 Thanh Liệt, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	9.390.000	0	0,36%	6.835.233	2.554.767	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
21	Nguyễn Văn Hồng	1984	Xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng	6.780.000	0	0,00%	0	6.780.000	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
22	Nhóm Hoàng Văn Khải	1974	thôn Đồng Đoài, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (Nay là phường Thuận Thành)	3.140.000.000	2.119.183.636	39,06%	743.079.674	277.736.690	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
23	Hoàng Hồng Hạnh	1974	P6 D3, Tập thể Bộ Giao thông, Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	700.000.000	472.429.473	8,71%	165.654.704	61.915.823	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Lê Chí Thành bồi thường trực tiếp cho bị hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
24	Phạm Minh Hùng	1988	Bồ Sơn, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh	150.000.000	0	5,74%	109.189.032	40.810.968	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
TỔNG CỘNG				**6.001.820.000**	**3.350.897.996**	**100,00%**	**1.902.431.087**	**748.490.917**	

PHỤ LỤC SỐ 10
NHÓM VŨ KHẮC THƯ

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Thư nộp khắc phục		
1	Đào Huy Đan	1988	Phú Hữu, Dương Quang, Mỹ Hào, Hưng Yên (Nay là thôn Dương Phú, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên)	508.250.000	0	21,75%	206.207.870	287.659.536	14.382.593	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
2	Lưu Thị Hồng	1990	Phú Hữu, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên	0	0	0,00%	0	0	0	
3	Bạch Ngọc Dương	1981	Đại Thịnh, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	305.250.000	0	13,07%	123.846.439	172.765.516	8.638.045	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
4	Nguyễn Xuân Dũng	1981	P1407 Trung tâm thương mại và chung cư, KĐT Xa La, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	305.600.000	0	13,08%	123.988.441	172.963.609	8.647.950	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
5	Nguyễn Văn Toản	1978	Số 62A phố Ô Cách, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	305.600.000	0	13,08%	123.988.441	172.963.609	8.647.950	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Thư nộp khắc phục		
6	Nguyễn Hùng Cường	1985	Số 6, Nhà A3, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	305.600.000	0	13,08%	123.988.441	172.963.610	8.647.950	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
7	Ngụy Ánh Điện	1987	Số 26, ngõ 126 Khâm Thiên, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	303.000.000	0	12,97%	122.933.566	171.492.060	8.574.374	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
8	Hoàng Trung Hưng	1992	Số 2/291 Thanh Long, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa	303.000.000	300.000.000	0,13%	1.217.164	1.697.941	84.895	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
9	Nguyễn Ngọc Báo	1992	phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh	0	0	0,00%	0	0	0	
10	Nguyễn Quỳnh Trang	1984	Số 4 ngõ 14, Ngọc Hà, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	300.000.000	0	12,84%	121.716.402	169.794.119	8.489.479	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan và Trần Duy Hưng
11	Phạm La Thăng	1983	Tổ 12 Trung Hòa, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	300.000.000	300.000.000	0,00%	0	0	0	Đã khắc phục đủ
12	Vũ Khắc Tuấn	1991	P1609 DN1, tòa T2, Thăng Long Victory, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (Nay là xã An Khánh, thành phố Hà Nội)	0	0	0,00%	0	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án		Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
							Được nhận từ tiền Long–Loan đang tạm giữ	Bị cáo Thư nộp khắc phục		
13	Trần Hà Đăng	1995	Số 1, Ngách 103, ngõ Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội (Nay là phường Đống Đa, thành phố Hà Nội)	0	0	0,00%	0	0	0	
14	Hoàng Thu Trang	1991	571 Trần Thái Tông, P. Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (Nay là phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình)	0	0	0,00%	0	0	0	
TỔNG CỘNG				**2.936.300.000**	**600.000.000**	**100,00%**	**947.886.764**	**1.322.300.000**	**66.113.236**	

PHỤ LỤC SỐ 11
NHÓM NGÔ TUẤN ANH

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ mới	Số tiền Tuấn Anh đã thu (đồng)	Số tiền Tuấn Anh đã trả (đồng)	Số tiền còn phải bồi thường
1	Ngô Xuân Mạnh	1971	511A, C5, Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	325.800.000	325.800.000	0
2	Chu Mạnh Quỳnh	1976	Số 9, ngõ 138, Hạ Đình, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	170.000.000	170.000.000	0
3	Ngô Văn Hưng	1977	Tam Á, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	187.300.000	187.300.000	0
4	Trần Văn Duy	1978	Tổ 28A, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	187.300.000	187.300.000	0
5	Đào Công Hiếu	1978	phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	187.300.000	187.300.000	0
6	Tạ Huy Đăng	1974	P504, B10 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	123.750.000	123.750.000	0
7	Nguyễn Danh Hoàn	1981	401A, B4, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	160.000.000	160.000.000	0
8	Ngô Duy Việt	1982	20/15, tổ 21, Mai Dịch, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội	105.550.000	105.550.000	0
9	Nguyễn Quý Vinh	1984	Số 2 ngõ 74/22 đường Hữu Hưng, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	205.550.000	205.550.000	0
10	Nguyễn Văn Bình	1986	401A- B4, tập thể Nghĩa Tân, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	100.000.000	100.000.000	0
11	Trần Minh Trường	1987	Số 16, 14/342 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội	205.000.000	205.000.000	0
12	Nguyễn Tiến Mạnh	1989	Hoàng Long, xã Suối Hai, Thành phố Hà Nội	55.550.000	55.550.000	0

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ mới	Số tiền Tuấn Anh đã thu (đồng)	Số tiền Tuấn Anh đã trả (đồng)	Số tiền còn phải bồi thường
13	Phạm Tuấn Tú	1990	299 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	300.000.000	300.000.000	0
14	Quản Thúy Vân	1994	Số 7, ngõ 6, Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	205.550.000	205.550.000	0
15	Ông Thị Việt Hà	1982	Số 1 ngõ 82/17 Tổ 22, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	105.000.000	105.000.000	0
16	Nguyễn Lan Phương	1980	Số 56 Hàng Nón, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	155.000.000	155.000.000	0
17	Trần Thị Lý	1989	Xóm Tự Do, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	205.000.000	205.000.000	0
18	Nguyễn Lan Hương	1987	1/514/53 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	205.500.000	205.500.000	0
19	Lương Quang Mạnh	1995	Số 90 Xã Đàn 2, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	305.050.000	305.050.000	0
20	Nguyễn Thị Lệ Thi	1990	Số 11, ngõ 51 Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	205.000.000	205.000.000	0
21	Bùi Hải Anh	1986	E801 Chung cư Lilama 124 Minh Khai, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	105.500.000	105.500.000	0
22	Bế Đức Thuận	1990	Tân Hội, xã Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	205.500.000	205.500.000	0
23	Nguyễn Thị Huệ	1994	Phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	308.000.000	308.000.000	0
24	Bùi Thanh Hà	1993	Xóm 1A Cổ Nhuế, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	205.500.000	205.500.000	0
25	Ngô Ngọc Anh	1995	Thôn Tân Sơn, xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh	205.000.000	205.000.000	0
26	Trần Hiếu	1985	Nhiêu Thị, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh	105.000.000	105.000.000	0
27	Trần Huy	1988	Nhiêu Thị, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh	100.000.000	100.000.000	0
28	Lê Thị Vân Anh	1994	Phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	100.000.000	100.000.000	0

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ mới	Số tiền Tuấn Anh đã thu (đồng)	Số tiền Tuấn Anh đã trả (đồng)	Số tiền còn phải bồi thường
29	Trần Hải Linh	1988	Khu 4, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	55.000.000	55.000.000	0
30	Đào Quang Thịnh	1984	Xóm Hạnh Phúc, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	105.500.000	105.500.000	0
31	Cao Thị Xuân	1985	Xã Ba Vì, Thành phố Hà Nội	55.550.000	55.550.000	0
			TỔNG CỘNG	**5.249.750.000**	**5.249.750.000**	**0**

PHỤ LỤC SỐ 12
NHÓM HOÀNG VĂN KHẢI

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Khải bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
1	Nguyễn Xuân Học	1979	Cụm 6, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội	200.000.000	50.000.000	4,49%	70.531.615	79.468.385	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
2	Nguyễn Thị Tú Oanh	1983	Số 156 Triệu Việt Vương, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	200.000.000	0	5,98%	94.042.154	105.957.846	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
3	Trần Thị Thu Trang	1984	Tổ dân phố số 7 Hòe Thị, Phương Canh, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội;	300.000.000	60.000.000	7,18%	112.850.584	127.149.416	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
4	Đặng Thị Quyên	1984	P912 CT235-08 Thanh Liệt, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	300.000.000	207.975.041	2,75%	43.271.127	48.753.832	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
5	Nguyễn Văn Quân	1994	Xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên	150.000.000	30.000.000	3,59%	56.425.292	63.574.708	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
6	Vũ Thị Minh Trang	1994	Cây Xanh, Dược Hạ, xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	100.000.000	20.000.000	2,39%	37.616.861	42.383.139	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Khải bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
7	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1981	P606 N5D, KĐT Trung Hòa, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	200.000.000	40.000.000	4,79%	75.233.723	84.766.277	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
8	Nguyễn Thị Hoài Thu	1982	Đường Thanh Niên, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
9	Bùi Ngọc Phương Anh	1992	chưa xác định	100.000.000	40.000.000	1,80%	28.212.646	31.787.354	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
10	Nông Văn Truyền	1995	36/05 Lê Lợi, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	200.000.000	40.000.000	4,79%	75.233.723	84.766.277	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
11	Hồ Thị Dung	1963	127 Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn	200.000.000	40.000.000	4,79%	75.233.723	84.766.277	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
12	Đào Tuyết Lan	1963	Số 1303, nhà B11, tổ 61 Trung Hòa, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	200.000.000	40.000.000	4,79%	75.233.723	84.766.277	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Khải bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
13	Phạm Thị Lan Hương	1976	Số 22, ngõ 16 Trung Liệt, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	200.000.000	40.000.000	4,79%	75.233.723	84.766.277	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
14	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	1995	Xã Yên Bình, tỉnh Lào Cai	0	0	0,00%	0	0	
15	Nguyễn Thị Phương Thanh	1984	Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0	
16	Lưu Hòa Thuận	1983	Lưu Phái, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	300.000.000	0	8,98%	141.063.231	158.936.769	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
17	Hoàng Anh Hiếu	1994	28 ngõ Hòa Bình 3, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	200.000.000	40.000.000	4,79%	75.233.723	84.766.277	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
18	Nguyễn Thanh Tùng	1989	Xã Nam Ninh, tỉnh Ninh Bình	300.000.000	60.000.000	7,18%	112.850.584	127.149.416	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
19	Vũ Vân Anh	1993	17 Hàng Đào, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	300.000.000	0	8,98%	141.063.231	158.936.769	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Bị cáo Khải bồi thường trực tiếp	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
20	Hoàng Hồng Hạnh	1974	P6 D3, Tập thể Bộ Giao thông, Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	880.000.000	880.000.000	0,00%	0	0	Đã khắc phục đủ
21	Hồ Thị Dung	1993	Hoằng Hải, Hoằng Hóa, Thanh Hóa (Nay là xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa)	300.000.000	0	8,98%	141.063.231	158.936.769	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
22	Trần Thị Nga	1989	Khu 1 Đoài, Yên Lạc, Vĩnh Phúc (Nay là xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ)	300.000.000	0	8,98%	141.063.230	158.936.770	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
TỔNG CỘNG				4.930.000.000	1.587.975.041	100,00%	1.571.456.124	1.770.568.835	

5

PHỤ LỤC SỐ 13
NHÓM CÁT QUANG VINH

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số tiền còn phải bồi thường	Ghi chú
1	Vũ Văn Nam	1980	xã Tân Bình, thành phố Thái Bình, Thái Bình (Nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)	0	
2	Nguyễn Cao Khải	1971	Tập thể Đại học Mỏ, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	0	
3	Đào Nguyễn Vĩnh Yên	1985	Số 40 ngõ 60 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	0	
4	Hoàng Xuân Kiên	1979	Số 125 dãy 8 khu vận tải Thương nghiệp, tổ 1, phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội	0	
5	Nguyễn Văn Nam	1988	Khối 10, phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng	0	

PHỤ LỤC SỐ 14
NHÓM LÊ KIỀU PHƯƠNG

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số tiền còn phải khắc phục (đồng)
1	Hà Thị Nguyệt	1990	thôn Ngọc Trì, xã Lâm Thao, tỉnh Bắc Ninh	0
2	Nguyễn Thế Thuần	1985	Xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ	0
3	Dương Thúy Quỳnh	1984	17 ngõ An Sơn, Đại La, phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội	0
4	Nguyễn Ngọc Mỹ	1985	P1404 CT1 KĐT Văn Khê, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	0
5	Trịnh Thị Hồng Vân	1981	A7C8 KĐT Đại Kim, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	0
6	Trịnh Anh Tú	1980	A7 lô C8 KĐT mới Đại Kim, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	0
7	Mai Thị Vân Thủy	1977	T22.22.09 Time City 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	0
8	Nguyễn Ngọc Linh	1987	P303 Chung cư 143 Đốc Ngữ, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	0
9	Nghiêm Huy Anh	1986	Số 3 ngách 47 ngõ 343 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	0
10	Lương Vũ Mạnh	1985	Số 25 ngách 298/36 Ngọc Lâm, tổ 18, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội	0
11	Nguyễn Thị Thanh Hà	1986	Tổ dân phố Hoàng 15, phường Nghĩa Đô, thành phô Hà Nội	0
12	Nguyễn Thị Phương Thúy	1988	P502 C7 Tập thể Quỳnh Mai, phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	0
13	Bùi Văn Tú	1988	Phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	0
14	Đỗ Mạnh Toàn	1979	Số 183 tổ 16 xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	0
15	Nguyễn Thị Thu Hà	1982	Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	0

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số tiền còn phải khắc phục (đồng)
16	Thiều Thị Bích Ngọc	1995	P311 Tập thể Hóa chất, ngõ Thịnh Hào 1, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	0
17	Đinh Viết Toàn	1975	Số 2, nhà B10 Láng Hạ, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	0
18	Vũ Đức Hải	1971	45 ngõ 82 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	0
19	Bùi Văn Đạt	1986	Ngõ 72 nguyễn Chí Thanh, phường Láng, Thành phố Hà Nội	0
20	Nguyễn Sỹ Nguyên	1977	Số 1 ngách 6 ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0
21	Nguyễn Quốc Hoàn	1980	P410 nhà N03, ngách 37 ngõ 167 Tây Sơn, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	0
22	Lê Tuấn Anh	1984	Số 16 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	0

PHỤ LỤC SỐ 15
NHÓM QUÂN NGỌC ANH

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường
1	Nguyễn Phương Lan	1976	số 10 hẻm 119/1/2 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội (Nay là phường Kim Liên, thành phố Hà Nội)	0	0	0,00%	0	0
2	Đoàn Công Thắng	1971	số 57, ngõ 380 Tô Hiệu, Hồ Nam, Lê Chân, Hải Phòng (Nay là phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
3	Trần Quang Lộc	1988	số 48A/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng (Nay là phường An Biên, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
4	Bùi Thị Diệu Thúy	1976	47/380 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng (Nay là phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
5	Bùi Xuân Huy	1995	91/170 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng (Nay là phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
6	Dương Quang Long	1978	số 116 Vũ Chí Thắng, Nghĩa Xã, Lê Chân, Hải Phòng (Nay là phường An Biên, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
7	Lê Hồng Minh	1974	16/200 Phương Lưu, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng (Nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
8	Nguyễn Thiên Trang	1992	số 1 ngõ 142 Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội (Nay là phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)	0	0	0,00%	0	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường
9	Chu Minh Hoàng	1974	18/116 Cát Cụt, Lê Chân, Hải Phòng (Nay là phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng)	0	0	0,00%	0	0
10	Nguyễn Tiến Hưng	1978	P1503 Tòa 17T1 Hapilico 85 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội	27.750.000	0	55,78%	27.750.000	0
11	Đỗ Mạnh Hùng	1978	70 ngõ 1, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	22.000.000	0	44,22%	22.000.000	0
12	Mai Thúc Định	1977	CH1 tầng 3, nhà R2, sảnh A chung cư Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội (Nay là phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội)	0	0	0,00%	0	0
13	Đỗ Minh Tùng	1994	Số 1, tổ 20 phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
TỔNG CỘNG				**49.750.000**	**0**	**100,00%**	**49.750.000**	**0**

PHỤ LỤC SỐ 16
NHÓM ĐẶNG BÁ KHẢI

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường
1	Nguyễn Thanh Minh	1982	25 đường C27, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh	150.000.000	0	20,00%	150.000.000	0
2	Trần Hữu Duy	1985	P3, D6, B24 Đông Tác, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	20,00%	150.000.000	0
3	Phí Đình Mạnh	1978	Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	20,00%	150.000.000	0
4	Trần Văn Công	1978	Xóm Đình, Triều Khúc, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	20,00%	150.000.000	0
5	Nguyễn Trọng Bằng	1979	Sáp Mai, Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội	150.000.000	0	20,00%	150.000.000	0
6	Hoàng Ân	1983	Số 92, ngõ 61, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
7	Đỗ Xuân Hải	1983	Căn 302, nhà 21 phố Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
8	Nguyễn Năng Tài	1993	Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
9	Phạm Thành Hải	1984	Căn hộ 1811 nhà 21B4, số 234 Phạm Văn Đồng, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
10	Bạch Hằng Phương	1990	93 giãn dân Mộ Lao, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường
11	Nguyễn Quang Hưng	1978	Số 21, ngách 102/32 Hoàng Đạo Thành, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
12	Vũ Nam Giang	1972	321A phố Quan Nhân, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
13	Bùi Việt Phương	1980	Số 4, ngách 211/38, Khương Trung, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
14	Vũ Tùng Lâm	1992	Số 312 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
15	Tống Thanh Quang	1989	Xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình	0	0	0,00%	0	0
16	Lưu Văn Trường	1993	xã Ninh Cường, tỉnh Ninh Bình	0	0	0,00%	0	0
17	Nguyễn Văn Phúc	1979	Số 17, Tổ 9, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang	0	0	0,00%	0	0
18	Dương Văn Đức	1975	H02/14, K65 Tô Hiến Thành, Phước Mỹ, Sơn Trà, Đà Nẵng (Nay là phường An Hải, thành phố Đà Nẵng)	0	0	0,00%	0	0
19	Nguyễn Năng Đức	1994	Xã Thiên Lộc, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
20	Nguyễn Phúc Hải	1976	P 1506 tòa CT5 chung cư Huyndai, Tô Hiệu, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
21	Hà Hồng Vân	1989	Số 36 ngõ 52 phố Triều Khúc, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Đã được bồi thường trước	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường
22	Dương Thị Minh Khuê	1981	Số nhà 21 ngõ 106 đường La Nội, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
23	Hoàng Quốc Hưng	1984	Thôn Nội, phường Hòa Đức, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
24	Nguyễn Thanh Phong	1982	P 2422-CT10B, KĐT Đại Thanh, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
25	Nguyễn Thị Thùy Trang	1980	Tổ dân phố Lò, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
26	Bùi Công Hà	1976	Số nhà 25, tổ dân phố Lò, Tây Mỗ, Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
27	Hà Huy Thông	1977	Số 29, ngõ 152 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
28	Phùng Quang Mạnh	1976	P203, 23 Vũ Ngọc Phan, phường Láng, Thành phố Hà Nội	0	0	0,00%	0	0
TỔNG CỘNG				**750.000.000**	**0**	**100,00%**	**750.000.000**	**0**

PHỤ LỤC SỐ 17
NHÓM CÁT THỊ HÀ

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
1	Nguyễn Văn Tính	1965	Số nhà 17, ngõ 269/1, phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	51.468.428	1,84%	15.577.310	35.891.118	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
2	Nguyễn Anh Đức	1987	44 Yên Phụ, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	0	0,00%	0	0	
3	Cao Thị Mai Lê	1977	P701 CC 243A Nguyễn Thượng Hiền, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	111.618.094	3,98%	33.782.063	77.836.031	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
4	Nguyễn Quang Huy	1981	P101, Tập thể 52 Đoàn Thị Điểm, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	103.799.631	3,70%	31.415.746	72.383.885	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
5	Trần Thị Huyền	1976	Tổ 6 phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	128.433.041	4,58%	38.871.234	89.561.807	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
6	Nguyễn Quang Thành	1983	Số 76, ngõ 3, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	103.799.631	3,70%	31.415.746	72.383.885	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
7	Đoàn Thị Thủy	1980	P408, nhà G7, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	103.799.631	3,70%	31.415.746	72.383.885	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
8	Nguyễn Đình Thăng	1983	KĐT Xa La, Phúc La, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	108.167.328	3,86%	32.737.662	75.429.666	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
9	Tào Thị Mai Lan	1982	Số nhà 80, ngõ 59, phố Dương Khuê, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	103.799.631	3,70%	31.415.746	72.383.885	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
10	Trần Ngọc Hiệu	1987	Tổ 13, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	107.563.692	3,84%	32.554.967	75.008.725	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
11	Nguyễn Thị Thúy Hà	1987	Tổ 13, phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội	7.563.692	0,27%	2.289.209	5.274.483	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
12	Đặng Ngọc Vinh	1992	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên; Căn hộ A1607- Chung cư Tecco Diamond, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	106.969.737	3,81%	32.375.202	74.594.535	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
13	Nguyễn Đăng Khoa	1993	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên; số nhà 33, đường Trần Nhân Tông, Tổ 7, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	106.946.282	3,81%	32.368.103	74.578.179	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
14	Nguyễn Mạnh Hằng	1974	P 1108, CT4, X2, Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	110.883.041	3,95%	33.559.593	77.323.448	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
15	Bùi Thành Việt	1983	P605, chung cư Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ 22, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội	110.542.031	3,94%	33.456.384	77.085.647	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
16	Nguyễn Duy Hiển	1980	Phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ	110.542.031	3,94%	33.456.384	77.085.647	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
17	Nguyễn Thị Thu Thủy	1984	Số 16, ngõ 15 phố Hồ Giám, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	108.799.631	3,88%	32.929.034	75.870.597	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
18	Nguyễn Thị Huệ	1989	CH307, nhà CT2, Khu nhà ở D22 Bộ đội biên phòng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	107.563.692	3,84%	32.554.967	75.008.725	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
19	Lưu Xuân Toản	1974	P 408, nhà G7, phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	79.446.454	2,83%	24.045.072	55.401.382	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
20	Đoàn Thị Vân	1985	Thôn Cầu Bài, Xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh	108.167.328	3,86%	32.737.662	75.429.666	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
21	Vũ Văn Thịnh	1982	Thôn Cầu Bài, Xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh	108.167.328	3,86%	32.737.662	75.429.666	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
22	Phạm Thị Huyền	1985	P 101, tập thể 52 Đoàn Thị Điểm, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	108.167.328	3,86%	32.737.662	75.429.666	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
23	Phạm Minh Thuận	1976	P 203, 17T10, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, tổ 13, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	109.446.454	3,90%	33.124.799	76.321.655	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
24	Trần Duy Toàn	1989	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	107.563.692	3,84%	32.554.967	75.008.725	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
25	Hồ Văn Quyền	1989	Phường Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An	107.563.692	3,84%	32.554.967	75.008.725	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
26	Phạm Thanh Tùng	1985	Tổ 1, khu 3 phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh	105.542.031	3,76%	31.943.096	73.598.935	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
27	Hoàng Thị Thu Hiền	1984	Số nhà 14, ngách 6/59, Miếu Nha, phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội	110.542.031	3,94%	33.456.384	77.085.647	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
28	Nguyễn Việt Hà	1984	Số 18, Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	108.167.328	3,86%	32.737.662	75.429.666	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
29	Nguyễn Trung Kiên	1993	Tổ 1, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	11.946.737	0,43%	3.615.771	8.330.966	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
30	Nguyễn Huy Nam	1978	xã Bất Bạt, Thành phố Hà Nội	0	0,00%	0	0	

STT	Bị hại	Năm sinh	Địa chỉ mới	Tổng thiệt hại	Tỷ lệ % số tiền nhận được	Số tiền được phân bổ để chi trả cho bị hại tại thi hành án	Còn phải bồi thường	Người có nghĩa vụ bồi thường
31	Trần Trung Việt	1970	197 Tôn Đức Thắng, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội	3.285.000	0,12%	994.230	2.290.770	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
32	Nguyễn Thị Hậu	1990	Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng	11.969.737	0,43%	3.622.732	8.347.005	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
33	Nguyễn Văn Toàn	1990	Số 49A/262B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; số nhà 12/41 Mai Hắc Đế, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng	11.969.737	0,43%	3.622.732	8.347.005	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
34	Nguyễn Bá Mạnh	1991	xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	0	0,00%	0	0	
35	Nguyễn Hồng Cường	1990	xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên	11.969.737	0,43%	3.622.732	8.347.005	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
36	Trương Minh Giám	1980	206, Nơ 4, KĐT Pháp Vân, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội	8.285.200	0,30%	2.507.579	5.777.621	Hoa Hữu Long, Cao Thị Kim Loan
TỔNG CỘNG				**2.804.459.058**	**100,00%**	**848.790.805**	**1.955.668.253**	